

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06- 4- 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ánh và ông Nguyễn Như Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn An X, xã Triệu A, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr- Có mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Văn Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Hà T, xã Triệu A, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr- Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/01/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà Nguyễn Thị L và ông Dương Văn Q tự nguyện yêu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu A, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr vào ngày 21 tháng 12 năm 2016. Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung cùng bố mẹ bên chồng tại thôn Hà T, xã Triệu A. Sau đó, vợ chồng chuyển vào làm ăn và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Cuối năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đầu năm 2019, bà L đi xuất khẩu lao động thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên to tiếng, cãi vả lẫn nhau. Hai bên gia đình đã hoà giải, khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được. Ngày

28/12/2020, bà L trở về nước thì tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, đổ vỡ nên bà L về nhà bố mẹ đẻ của mình ở tại thôn An X, xã Triệu A, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài mà không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có, hai bên không thật sự thương yêu tôn trọng lẫn nhau. Với những lý do trên bà L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy, bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Dương Văn Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Dương Thị Như Q, sinh ngày 18/8/2015 và cháu Dương Văn Mạnh Q, sinh ngày 10/02/2017; Nếu ly hôn, bà L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Thị Như Q; giao cháu Dương Văn Mạnh Q cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hoà giải ngày 24/02//2021 và tại phiên toà, bà L đồng ý với nguyện vọng của ông Q, nếu ly hôn, bà L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Văn Mạnh Q; giao cháu Dương Thị Như Q cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 04/02/2021, bị đơn ông Dương Văn Q trình bày: Ông Q đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị L đã trình bày về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì ông Q thừa nhận: Cuối năm 2018, thỉnh thoảng vợ chồng có gây gổ nhau, đầu năm 2019, bà L đi xuất khẩu lao động thì tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, đổ vỡ. Cuối năm 2020, bà L trở về nước nhưng vợ chồng không chung sống với nhau, bà L sống cùng với bố mẹ đẻ của mình tại thôn An X, xã Triệu A, còn ông Q sống cùng bố mẹ đẻ của mình tại thôn Hà T, xã Triệu A. Vì vậy vợ chồng không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Tuy nhiên, ông Q mong muốn được đoàn tụ vợ chồng vì các con còn quá nhỏ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Dương Thị Như Q, sinh ngày 18/8/2015 và cháu Dương Văn Mạnh Q, sinh ngày 10/02/2017; Nếu ly hôn, ông Q có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Thị Như Q; giao cháu Dương Văn Mạnh Q cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong phát biểu ý kiến đối với việc giải quyết vụ án như sau:

- Về phần thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã chấp hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Dương Văn Q; áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Dương Thị Như Q, sinh ngày 18/8/2015 cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Dương Văn Mạnh Q, sinh ngày 10/02/2017 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải thì ông Q đều chấp hành đầy đủ và đã nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đề ngày 04/02/2021. Ngày 24/02/2021, ông Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại các phiên hoà giải tiếp theo và tại phiên tòa sơ thẩm với lý do ông Q thường xuyên đi làm ăn xa nên không thể tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện:

- Về quan hệ Hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Dương Văn Q là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đầu năm 2019, bà L đi xuất khẩu lao động thì tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt hơn mà nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau nên nhiều lần to tiếng, cãi vã nhau. Ngày 28/12/2020, bà L trở về nước nhưng không chung sống cùng với ông Q mà sống với bố mẹ đẻ của mình tại thôn An Xuân, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Văn Q thừa nhận: Mặc dù vợ chồng sống xa nhau nhưng tình cảm vợ chồng rạn nứt, đổ vỡ. Sau khi bà L trở về nước thì vợ chồng sống ly thân như bà L trình bày là đúng. Ông Q mong muốn được đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con cái, Tuy nhiên, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến khi bà L gửi đơn ly hôn đến Tòa án, ông Q không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, thậm chí cuối năm 2020, bà L trở về quê sinh sống nhưng tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, bà L và ông Q vẫn mỗi người sống mỗi nơi.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Triệu An và bà Võ Thị Lễ (mẹ đẻ của bà L) về tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông Q phù hợp lời trình bày của bà L, ông Q trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến

mức trầm trọng, hai người đã sống ly thân thời gian khá dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê, xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Dương Văn Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù trong đơn khởi kiện bà L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Dương Thị Như Q, sinh ngày 18/8/2015; giao cháu Dương Văn Mạnh Q, sinh ngày 10/02/2017 cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên hoà giải bà L và ông Q đều thoả thuận giao cháu Dương Văn Mạnh Q cho Lê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Dương Thị Như Q cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên toà, ông Q có đơn xin xét xử vắng, bà L đồng ý với nguyện vọng của Quang là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông Q đều thống nhất tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 56 khoản 2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

- **Về quan hệ Hôn nhân:** Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Dương Văn Q.

- **Về con chung** xử: Giao cháu Dương Văn Mạnh Q, sinh ngày 10/02/2017 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Dương Thị Như Q, sinh ngày 18/8/2015 cho ông Dương Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L và ông Q có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004718 ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Ủy ban ND xã Triệu An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

